

GIÁ TRỊ CẢNH QUAN VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI TẠI HUYỆN MỘC CHÂU: MỘT TIẾP CẬN DỰA VÀO CB-SEM

Phạm Anh Tuấn^{1*}, Đặng Thị Hương Giang²,
Đinh Thị Hồng Vân³, Phạm Khánh Linh³, Lò Thị Thúy Vy³

¹Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Tây Bắc

²Khoa Địa lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

³Khoa Kinh tế, Trường Đại học Tây Bắc

*Email: phamtuan@utb.edu.vn

Tóm tắt: Giá trị cảnh quan đóng vai trò “chuyển hóa” giữa các yếu tố địa lý và quan niệm văn hóa - xã hội về từng khu vực. Thông qua sự cân đối lợi ích của các bên liên quan, giá trị cảnh quan và đánh giá giá trị cảnh quan là nền tảng phục vụ đề xuất, xây dựng và điều chỉnh các chính sách phát triển, quy hoạch lãnh thổ và quản lý tài nguyên thiên nhiên. Nghiên cứu tiến hành đánh giá giá trị cảnh quan và các yếu tố ảnh hưởng trong phát triển du lịch sinh thái tại huyện Mộc Châu (tỉnh Sơn La) dựa trên phân tích đa chỉ tiêu. Các giá trị cảnh quan đã chiều được phản ánh thông qua kết quả điều tra thực địa đối với 2 nhóm đối tượng: người cung cấp dịch vụ du lịch và lữ hành (200 phiếu) và khách du lịch (200 phiếu). Thông qua mô hình cấu trúc CB-SEM (Covariance-based Structural Equation Modeling), nghiên cứu xác định các giá trị cảnh quan cốt lõi và nhận diện các nhân tố ảnh hưởng, trên cơ sở đó mô hình hóa giá trị tổng hợp dựa trên đánh giá của hai nhóm đối tượng. Sự khác biệt trong kết quả đánh giá giá trị cảnh quan của hai nhóm đối tượng phản ánh sự chênh lệch giữa yếu tố cung và cầu của thị trường sản phẩm du lịch Mộc Châu. Đây là cách tiếp cận hữu ích nhằm hỗ trợ định hình các chính sách, chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch tại Mộc Châu.

Từ khóa: Giá trị cảnh quan, đánh giá giá trị cảnh quan, du lịch sinh thái, mô hình cấu trúc.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giá trị cảnh quan đóng vai trò “chuyển hóa” giữa yếu tố địa lý và quan niệm văn hóa - xã hội về từng khu vực (Brown, 2004; Garcia-Martin và nnk., 2017). Thông qua sự cân đối lợi ích của các bên liên quan, giá trị cảnh quan và đánh giá giá trị cảnh quan là nền tảng phục vụ đề xuất, xây dựng và điều chỉnh các chính sách phát triển, quy hoạch lãnh thổ, quản lý tài nguyên thiên nhiên (Brown, 2006; Plieninger và nnk., 2018). Quá trình đánh giá giá trị cảnh quan được xem xét trên nhiều phương diện, bao gồm sự tích hợp của các giá trị nhân sinh và tự nhiên (Cervený và nnk., 2017). Tuy nhiên, sự đa dạng của giá trị cảnh quan khiến việc nhận diện các giá trị cốt lõi gặp nhiều khó khăn, tạo ra những mâu thuẫn trong quá trình quy hoạch (Butler, 2016). Do đó, việc xác định các giá trị cảnh quan cốt lõi và yếu tố ảnh hưởng hỗ trợ đưa ra định hướng ưu tiên trong hoạch định chính sách phát triển (Hernández-Morcillo và nnk., 2017; Plieninger và nnk., 2018).

Đánh giá giá trị cảnh quan tổng hợp được nghiên cứu tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, ở nhiều tỷ lệ không gian và bối cảnh văn hóa - xã hội, dựa trên nhiều phương pháp khác nhau. Phân tích đa chỉ tiêu (*multi-criteria analysis*) là phương pháp được ứng dụng phổ biến nhất trong các nghiên cứu định lượng giá trị cảnh quan (Gómez-Sal và nnk., 2003). Tuy nhiên, quá trình đánh giá thường phụ thuộc vào cách tiếp cận chủ quan của người ra quyết định (Huang và nnk., 2011), gây ra tính thiếu chắc chắn và tạo lập những mô hình thiếu chính xác (Chen và nnk., 2011). Do đó, sự thay thế của các mô hình cấu trúc SEM giúp đánh giá toàn diện, khách quan và linh hoạt hơn thông qua kiểm định sự phù hợp của giả thuyết đặt ra và dữ liệu thực tế (Sharafatmandrad và Khosravi Mashizi, 2020; Peng và nnk., 2020). Phương pháp này ước lượng các tham số nhằm khắc phục sai số trong quá trình thu thập dữ liệu, góp phần tăng độ tin cậy đối với kết quả nghiên cứu, nâng cao tính khách quan cho các đánh giá đa chỉ tiêu.

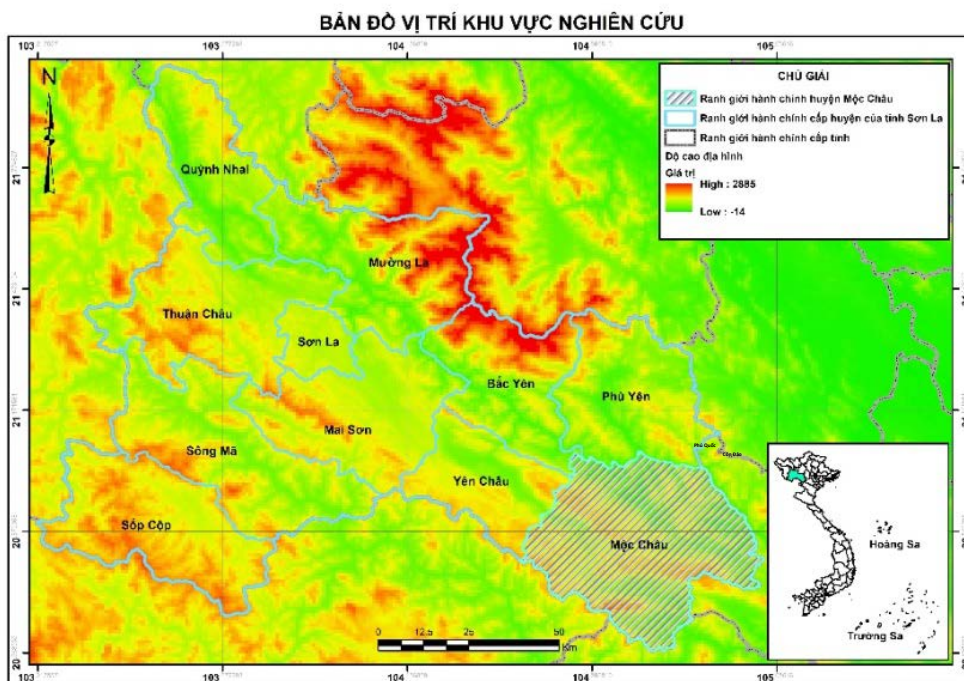
Trong đánh giá giá trị cảnh quan, tiềm năng du lịch là một trong những nhân tố phức tạp và khó nhận diện các yếu tố ảnh hưởng nhất (Cervený và nnk., 2017). Tại Việt Nam, Mộc Châu (Sơn La) là điển hình cho xu hướng phát triển du lịch sinh thái nhằm bảo tồn cảnh quan thiên nhiên và phát huy bản sắc các dân tộc. Sự đa dạng về cảnh quan thiên nhiên và giá trị văn hóa tạo nên tiềm năng trong phát triển du lịch sinh thái của Mộc Châu. Do đó, việc nhận diện các yếu tố quan trọng của cảnh quan trong thúc đẩy du lịch góp phần định hình quy hoạch lãnh thổ và chính sách phát triển. Xuất phát từ mục tiêu này, nghiên cứu tiến hành định lượng giá trị cảnh quan cốt lõi và

các yếu tố ảnh hưởng trong phát triển du lịch Mộc Châu trên cơ sở phân tích những nhận định của người bản địa (người cung cấp dịch vụ du lịch và lữ hành) và khách du lịch.

2. KHU VỰC NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khu vực nghiên cứu

Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu, cách Hà Nội 195 km. Địa hình Mộc Châu đa dạng với nhiều đồi, núi, cao nguyên, bình nguyên và thung lũng lòng chảo kết hợp với hệ thống thủy văn đem lại những cảnh quan có giá trị thẩm mỹ cao phục vụ phát triển du lịch. Nằm ở độ cao 1.050 m so với mực nước biển, Mộc Châu được bao phủ bởi khí hậu cận nhiệt với thời tiết mát mẻ, ôn hòa quanh năm. Bên cạnh đó, đây là địa bàn cư trú của nhiều nhóm dân tộc như Thái, Mông, Mường từ lâu đời, tạo nên sự đa dạng về văn hóa. Do đó, cảnh quan tự nhiên và nhân sinh tại Mộc Châu đem lại tiềm năng lớn về phát triển du lịch sinh thái. Tuy nhiên, sự đa dạng về tự nhiên và văn hóa là nguyên nhân gây phân hóa giá trị cảnh quan, khiến quá trình xác định giá trị cảnh quan tổng thể gặp nhiều trở ngại.



Hình 1. Bản đồ vị trí khu vực nghiên cứu

2.2. Khảo sát Bảng hỏi

Bảng 1. Mô tả các giá trị cảnh quan áp dụng trong phiếu đánh giá giá trị cảnh quan phục vụ phát triển du lịch tại Mộc Châu

Giá trị	Giá trị cảnh quan	
Thẩm mỹ (Q1-5)	(Q1) Phong cảnh đẹp, hấp dẫn	(Q4) Tính bền vững cao
	(Q2) Khí hậu, thời tiết thuận lợi	(Q5) Môi trường trong lành
	(Q3) Hệ động thực vật phong phú	
Kinh tế (Q6-9)	(Q6) Có chiến lược phát triển sản phẩm tốt	(Q8) Cơ sở ăn uống đa dạng
	(Q7) Cơ sở lưu trú đa dạng, thuận lợi	(Q9) Mua sắm đa dạng, độc đáo
Văn hóa	(Q10) Lịch sử tộc người độc đáo	(Q13) Nghề truyền thống đặc sắc

(Q10-15)	(Q11) Âm thực, lễ hội đa dạng, đặc sắc	(Q14) Tri thức bản địa độc đáo
	(Q12) Trang phục, kiến trúc đẹp, hấp dẫn	(Q15) Sản phẩm du lịch đặc sắc
Du lịch (Q16-25)	(Q16) Nhiều địa điểm, nội dung tham quan	(Q21) Thông tin đầy đủ, chính xác, cập nhật
	(Q17) Sản phẩm phù hợp thị hiếu của khách	(Q22) Tiếp cận dễ dàng, thuận lợi
	(Q18) Người dân thân thiện, hiếu khách	(Q23) Khung thời gian di chuyển đến linh hoạt
	(Q19) Người dân tham gia hướng dẫn du lịch	(Q24) Phương tiện di chuyển đến, đi thuận lợi
	(Q20) Người dân tạo lập sản phẩm du lịch	(Q25) Kết nối với điểm, tuyến du lịch thuận lợi
Đánh giá tổng hợp giá trị cảnh quan phục vụ phát triển du lịch (Q26)		

Phiếu điều tra đánh giá tiềm năng phát triển du lịch tại Mộc Châu được phát triển dựa trên kết quả đánh giá của Raymond và Brown (2006). Theo đó, nghiên cứu nhấn mạnh đến các giá trị chính của cảnh quan thông qua 26 câu hỏi, định lượng bằng thang đo Likert 7 cấp độ, đo lường giá trị từ 1 (rất thấp) đến 7 (rất cao). Bảng 1 tóm tắt các câu hỏi điều tra đánh giá giá trị cảnh quan tại khu vực nghiên cứu trên 4 giá trị chính: Thẩm mỹ (Q1-5), Kinh tế (Q6-9), Văn hóa (Q10-15) và Du lịch (Q16-25). Giá trị tổng hợp của cảnh quan là đánh giá chung về giá trị cảnh quan của người tham gia khảo sát sau khi thực hiện phiếu điều tra (Q26). Hoạt động khảo sát được tiến hành trên địa bàn trong thời gian từ 16 đến 30/5/2020. Đối tượng điều tra bao gồm nhân viên làm việc tại các cơ sở lưu trú, công ty cung cấp dịch vụ du lịch và lữ hành (200 phiếu); và khách du lịch tham quan tại khu vực nghiên cứu (200 phiếu). Kết quả điều tra thực địa phản ánh sự sai khác trong nhận diện giá trị cảnh quan phục vụ phát triển du lịch tại Mộc Châu giữa người cung cấp dịch vụ du lịch và lữ hành và khách tham quan.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Quá trình đánh giá giá trị cảnh quan được thực hiện trên cơ sở mô hình CB-SEM. Nhóm các phương pháp sử dụng bao gồm: (i) Phân tích nhân tố khám phá; (ii) Phân tích nhân tố khẳng định; (iii) Mô hình cấu trúc CB-SEM.

Phân tích nhân tố khám phá (Exploratory factor analysis - EFA) là phương pháp phân tích tương quan đa biến phổ biến được ứng dụng nhằm xác định mối quan hệ giữa các biến quan sát. EFA mô tả các biến quan sát dưới dạng phương trình tuyến tính của các nhân tố cơ bản theo phương trình (1). Phương pháp cho phép xem xét mức độ ảnh hưởng của các biến quan sát lên nhân tố cơ sở, thông qua đó, giảm số biến giải thích nhân tố cơ sở. Nhằm tăng tính chính xác trong mô tả dữ liệu thực tế, nghiên cứu sử dụng phương pháp trích xuất nhân tố chung (Principal Axis Factoring) và phép quay không vuông góc Promax. Nghiên cứu sử dụng 3 tham số chính để đánh giá sự phù hợp và kết quả phân tích nhân tố khám phá, bao gồm: tổng phương sai trích (%), hệ số Kaiser-Meyer-Olkin (KMO) và kiểm định Bartlett.

$$x_i = \sum_{j=1}^k \alpha_{ij} f_j \quad (1)$$

trong đó: x_i : biến đo lường thứ i ; f_j : các nhân tố chung thứ j ; α_{ij} là hệ số hồi quy bội đã được chuẩn hóa của nhân tố f_j với biến x_i , k : số biến quan sát.

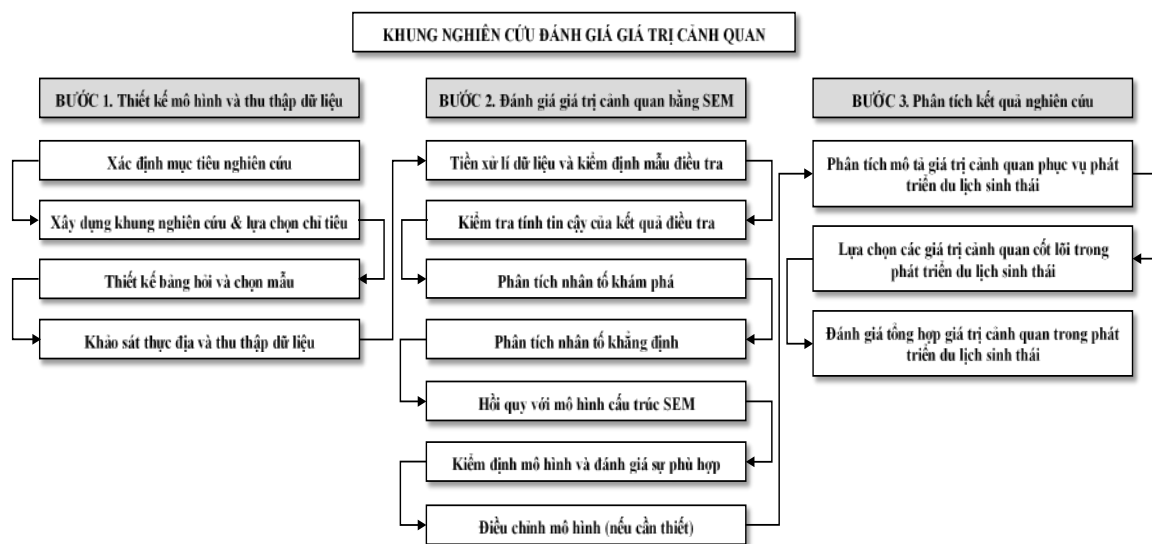
Phân tích nhân tố khẳng định (Confirmatory Factor Analysis-CFA) là phương pháp đánh giá sự phù hợp của lý thuyết đã và dữ liệu thực tế. Trong khi EFA tiến hành rút gọn số biến dựa vào thực nghiệm, CFA kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu và dữ liệu. Do đó, CFA thường kế thừa kết quả EFA và tập trung vào đánh giá độ tin cậy, độ hội tụ của mô hình lý thuyết thông qua số liệu thực tế. Bên cạnh các chỉ số đánh giá độ phù hợp của mô hình, nghiên cứu đánh giá độ tin cậy của mô hình lý thuyết thông qua hệ số Cronbach alpha, độ tin cậy tổng hợp (CR), và tổng phương sai trích (AVE).

$$CR = \frac{(\sum_{i=1}^p \lambda_i)^2}{(\sum_{i=1}^p \lambda_i)^2 + \sum_{i=1}^p (1 - \lambda_i^2)} \quad (2)$$

$$AVE = \frac{\sum_{i=1}^p \lambda_i^2}{\sum_{i=1}^p \lambda_i^2 + \sum_{i=1}^p (1 - \lambda_i^2)} \quad (3)$$

trong đó: λ_i : hệ số hồi quy đã chuẩn hóa của biến x_i , $1 - \lambda_i^2$: phương sai sai của sai số đo lường biến x_i , p : số nhân tố.

Mô hình cấu trúc CB-SEM (Covariance-Based Structural Equation Modelling) là phương pháp hồi quy phức tạp và được áp dụng rộng rãi nhằm xem xét các mối quan hệ nguyên nhân - kết quả giữa biến quan sát và biến tiềm ẩn. Mô hình cấu trúc CB-SEM tập trung phân tích ma trận phương sai (variance) và hiệp phương sai (covariance) để xác định sự tương tác giữa các nhân tố trong mô hình. SEM sử dụng phương pháp Maximum Likelihood để xác định các hệ số trong mô hình. Bên cạnh đó, phương pháp sử dụng các chỉ số đo lường độ phù hợp của mô hình (χ^2/df , GFI, TLI, và CFI) và tính toán sự sai số của mô hình thông qua chỉ số RMSE.



Hình 2. Khung nghiên cứu đánh giá giá trị cảnh quan

Hình 2 mô tả sơ đồ thực hiện nghiên cứu đánh giá giá trị cảnh quan và các nhân tố ảnh hưởng trong phát triển du lịch tại huyện Mộc Châu. Nghiên cứu được tiến hành qua 3 bước: (i) Thiết kế mô hình và thu thập dữ liệu; (ii) Đánh giá giá trị cảnh quan bằng mô hình cấu trúc SEM; (iii) Phân tích kết quả nghiên cứu trên cơ sở so sánh giá trị cảnh quan giữa hai nhóm đối tượng nghiên cứu, nhằm phục vụ nhận diện các giá trị cốt lõi của cảnh quan Mộc Châu.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Phân tích mô tả dữ liệu điều tra giá trị cảnh quan phục vụ phát triển du lịch sinh thái

Bảng 2 mô tả kết quả phiếu điều tra giá trị cảnh quan phục vụ phát triển du lịch tại Khu Du lịch Quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Nhìn chung, cả người dân địa phương và khách du lịch đều đánh giá giá trị cảnh quan Mộc Châu ở ngưỡng tương đối cao đến cao (dao động từ 5.000 - 6.000). Người dân địa phương nhận xét giá trị cảnh quan của Mộc Châu ở mức trung bình đến tương đối cao, dao động trong khoảng 4.945 - 5.480 với độ lệch chuẩn ở ngưỡng 0,870 - 1.666. Trong khi đó, khách du lịch đánh giá giá trị cảnh quan ở ngưỡng cao đến rất cao (giá trị trung bình từ 5.555 - 6.025 với độ lệch chuẩn từ 0,821-1.523). Khách du lịch có xu hướng nhận định giá trị cảnh quan cao hơn so với người dân địa phương ở tất cả các câu hỏi. Bên cạnh đó, với giá trị độ lệch chuẩn thấp hơn, đánh giá của khách du lịch có tính đồng nhất cao hơn so với nhận định của người dân địa phương.

Bảng 2. Kết quả giá trị cảnh quan phục vụ phát triển du lịch tại Mộc Châu

Giá trị cảnh quan	Người dân địa phương		Khách du lịch		Giá trị cảnh quan	Người dân địa phương		Khách du lịch	
	Mean	Stdev	Mean	Stdev		Mean	Stdev	Mean	Stdev
1	5.325	1.559	5.930	1.096	14	5.035	1.458	5.600	1.315
2	5.320	1.513	5.930	1.184	15	4.945	1.521	5.575	1.246

3	4.960	1.476	5.640	1.400	16	5.265	1.412	5.875	1.134
4	5.005	1.596	5.555	1.523	17	5.275	1.439	5.970	1.056
5	5.260	1.666	5.860	1.396	18	5.160	1.409	5.740	1.331
6	5.110	1.616	5.775	1.274	19	5.210	1.413	5.950	1.198
7	5.140	1.439	5.820	1.243	20	5.315	1.509	5.965	1.188
8	5.140	1.456	5.920	1.145	21	5.225	1.532	5.935	1.195
9	4.965	1.515	5.615	1.317	22	5.260	1.467	6.000	1.139
10	4.990	1.524	5.650	1.275	23	5.385	1.431	6.025	1.217
11	5.185	1.517	5.715	1.387	24	5.480	1.389	6.000	1.165
12	5.370	1.457	5.970	1.190	25	5.140	1.511	5.820	1.231
13	5.320	1.448	5.975	1.162	26	5.205	0.870	5.845	0.821

3.2. Lựa chọn các giá trị cảnh quan thông qua phân tích nhân tố khám phá và phân tích nhân tố khẳng định

Bảng 3. Đánh giá sự phù hợp của phân tích nhân tố khám phá

		Người dân địa phương	Khách du lịch
Tổng phương sai trích (%)		51.210	54.772
Kiểm định Kaiser-Meyer-Olkin.		0,814	0,772
Kiểm định Bartlett	χ^2	986.347	599.557
	df	91	36
	Sig.	0	0

Bảng 3 mô tả kết quả đánh giá sự phù hợp của phân tích nhân tố khám phá dựa trên tổng phương sai trích, hệ số KMO và kiểm định Bartlett. Tổng phương sai trích của kết quả phân tích nhân tố đối với người dân địa phương và khách du lịch giải thích lần lượt 51.210 % và 54.772 % giá trị cảnh quan tổng thể. Hệ số KMO được sử dụng để phân tích sự phù hợp của phân tích nhân tố có giá trị 0,814 (đối với người dân địa phương) và 0,772 (đối với khách du lịch). Kết quả kiểm định Bartlett đánh giá ý nghĩa thống kê của mô hình, khẳng định các biến quan sát có tương tác lẫn nhau trong đánh giá giá trị cảnh quan tổng thể. Bên cạnh đó, hệ số tải của từng nhân tố (Bảng 4) có giá trị lớn hơn 0,5 chứng minh ý nghĩa thực tiễn của từng chỉ tiêu trong phản ánh giá trị cảnh quan. Như vậy, kết quả phân tích nhân tố khám phá được dùng trong nghiên cứu có độ tin cậy cao và có ý nghĩa thực tiễn trong đánh giá giá trị cảnh quan phục vụ phát triển du lịch tại Mộc Châu.

Bảng 4 phản ánh các giá trị cảnh quan phục vụ phát triển du lịch dựa trên kết quả EFA đối với hai nhóm đối tượng. Đối với người dân địa phương, 14/25 chỉ tiêu được lựa chọn, phân thành 4 nhóm nhân tố: *Sản phẩm du lịch*, *Giá trị văn hóa*, *Chiến lược phát triển* và *Tính kết nối*. Đối với khách du lịch, 9/25 chỉ tiêu được lựa chọn nhằm đánh giá giá trị cảnh quan tổng thể, phân thành 3 nhóm nhân tố: *Sản phẩm du lịch*, *Giá trị văn hóa*, và *Cảnh quan tự nhiên*.

Bảng 4. Lựa chọn giá trị cảnh quan thông qua phân tích nhân tố khám phá

Người dân địa phương			Khách du lịch		
Nhân tố	Giá trị cảnh quan	Hệ số tải nhân tố	Nhân tố	Giá trị cảnh quan	Hệ số tải nhân tố
Sản phẩm du lịch	Q20	0,744	Sản phẩm du lịch	Q22	0,769
	Q19	0,741		Q20	0,695

	Q21	0,645		Q24	0,662
	Q17	0,578		Q21	0,650
	Q18	0,574		Q19	0,603
Giá trị văn hóa	Q14	0,894	Giá trị văn hóa	Q10	0,859
	Q13	0,789		Q11	0,768
	Q15	0,647			
Chiến lược phát triển	Q8	0,656	Cảnh quan tự nhiên	Q1	0,851
	Q9	0,593		Q2	0,636
	Q4	0,585			
	Q6	0,580			
Tính kết nối	Q24	0,909			
	Q25	0,519			

Trong nhóm nhân tố *sản phẩm du lịch*, hai nhóm đối tượng đều chọn lựa 5 chỉ tiêu đánh giá, trong đó cùng xác định Q19, 20, 21 với đánh giá cao về những sản phẩm du lịch được tạo lập bởi người dân bản địa và khả năng tiếp cận thông tin dễ dàng. Tuy nhiên, trong khi người dân địa phương nhận định về yếu tố hấp dẫn của sản phẩm du lịch (Q17, 18), khách du lịch đánh giá cao sự thuận tiện về di chuyển khi đi tham quan tại Mộc Châu (Q22, 24). Bên cạnh đó, mặc dù cả hai nhóm đều nhận định vai trò quan trọng của *giá trị văn hóa* trong phát triển du lịch tại Mộc Châu, họ có những quan điểm khác nhau về lựa chọn chỉ tiêu đại diện. Nhóm người dân địa phương lựa chọn các giá trị văn hóa vô hình (Q13, 14, 15), trong khi đó, khách du lịch lại đánh giá cao các giá trị văn hóa được truyền tải thông qua hoạt động du lịch: lịch sử, ẩm thực, trang phục, kiến trúc và lễ hội (Q10, 11). Kết quả phân tích EFA chỉ ra *người dân bản địa* đánh giá cao chiến lược phát triển du lịch của địa phương thông qua các chính sách bảo tồn thiên nhiên (Q4) và sự phát triển của các dịch vụ phụ trợ phục vụ du lịch (Q6, 8, 9). Bên cạnh đó, họ nhận định tính kết nối cao là thể mạnh thu hút khách du lịch tại Mộc Châu (Q24, 25). Mặt khác, *khách du lịch* có xu hướng nhận định yếu tố cảnh quan tự nhiên là lý do lựa chọn Mộc Châu tham quan (Q1, 2). Như vậy, kết quả phân tích nhân tố khám phá góp phần làm rõ sự khác biệt trong nhận định và quan điểm về giá trị cảnh quan giữa người dân bản địa và khách du lịch.

Bảng 5. Lựa chọn giá trị cảnh quan thông qua phân tích nhân tố khẳng định

Người dân địa phương						Khách du lịch					
Nhân tố	Giá trị cảnh quan	Hệ số hồi quy	Cronbach alpha	CR	AVE	Nhân tố	Giá trị cảnh quan	Hệ số hồi quy	Cronbach alpha	CR	AVE
Sản phẩm du lịch	Q20	0,815	0,781	0,781	0,544	Sản phẩm du lịch	Q22	0,503	0,734	0,805	0,594
	Q19	0,671					Q20	0,782			
	Q21	0,720					Q24	0,957			
Giá trị văn hóa	Q14	0,885	0,830	0,839	0,637	Giá trị văn hóa	Q10	0,710	0,795	0,812	0,751
	Q13	0,814					Q11	0,933			
	Q15	0,681									
Tính kết nối	Q24	0,727	0,708	0,710	0,551	Cảnh quan tự nhiên	Q1	0,839	0,702	0,715	0,589
	Q25	0,757					Q2	0,646			

Dựa trên kết quả phân tích EFA, nghiên cứu thực hiện CFA để đánh giá độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach alpha, CR và xem xét độ hội tụ dựa trên hệ số hồi quy và AVE (Bảng 5). Trên cơ sở đó, nghiên cứu loại bỏ các chỉ tiêu không giải thích tốt nhân tố đại diện do không đạt được độ hội tụ trong phân tích CFA. Do đó, đối với khảo sát được thực hiện bởi nhóm người dân địa phương, kết quả CFA loại bỏ hoàn toàn nhân tố *chiến lược phát triển* và loại bỏ chỉ tiêu Q17, Q18 ra khỏi nhóm nhân tố *sản phẩm du lịch* do giá trị AVE thấp. Đối với nhóm khách du lịch, kết quả CFA loại bỏ chỉ tiêu Q19, 21 ra khỏi nhóm nhân tố *sản phẩm du lịch* để tăng độ hội tụ của kết quả.

3.3. Đánh giá sự phù hợp và kiểm định mô hình cấu trúc CB-SEM trong đánh giá giá trị tổng hợp cảnh quan

Thông qua kết quả EFA, nghiên cứu tiến hành hồi quy kết quả đánh giá giá trị cảnh quan dựa vào mô hình cấu trúc CB-SEM. Sự phù hợp của mô hình được đánh giá dựa vào 5 tham số: χ^2/df , GFI, TLI, CFQ và RMSE (Bảng 6). Đối với giá trị kiểm định tính phù hợp χ^2/df (< 3), các giá trị GFI, CFI và CFI ($> 0,9$), hai mô hình cấu trúc đều chứng minh sự phù hợp với dữ liệu thực tế. Đối với giá trị sai số RMSE, mô hình cấu trúc đặc trưng cho đánh giá của người dân địa phương có giá trị thấp (0,033) khẳng định sự tin cậy cao của mô hình. Tuy nhiên, giá trị sai số RMSE của mô hình cấu trúc đặc trưng cho đánh giá của khách du lịch có giá trị trung bình (0,093).

Bảng 6. Đánh giá sự phù hợp của mô hình và kiểm định mô hình cấu trúc CB-SEM

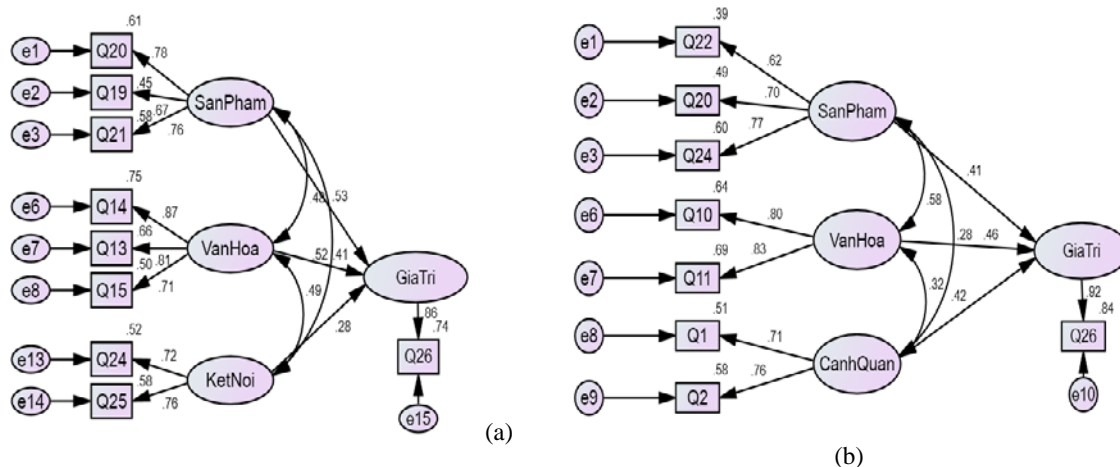
	Người dân địa phương	Khách du lịch
χ^2/df	1.220	2.704
GFI	0,972	0,952
TLI	0,990	0,925
CFI	0,994	0,960
RMSE	0,033	0,093

Kết quả hồi quy sự tác động của các nhân tố đến giá trị cảnh quan tổng thể được thể hiện qua (Bảng 7). Hệ số hồi quy của các nhân tố hợp thành ở cả 2 mô hình mang giá trị dương góp phần thể hiện ảnh hưởng tích cực của các nhân tố đến đánh giá giá trị tổng thể. Độ tin cậy của kết quả hồi quy được đánh giá thông qua giá trị p-value khẳng định ý nghĩa thống kê của mô hình.

Bảng 7. Hệ số hồi quy và độ tin cậy của kết quả mô hình cấu trúc CB-SEM

Người dân địa phương			Khách du lịch		
Nhân tố	Hệ số hồi quy	p-value	Nhân tố	Hệ số hồi quy	p-value
Giá trị ← Sản phẩm du lịch	0,334	0,000	Giá trị ← Sản phẩm du lịch	0,437	0,000
Giá trị ← Giá trị văn hóa	0,242	0,000	Giá trị ← Giá trị văn hóa	0,342	0,000
Giá trị ← Tính kết nối	0,208	0,000	Giá trị ← Cảnh quan tự nhiên	0,405	0,000

Kết quả hồi quy giá trị cảnh quan tổng hợp dựa trên đánh giá của người dân địa phương và khách du lịch được thực hiện thông qua của mô hình cấu trúc CB-SEM được thể hiện trong Bảng 7. Các giá trị thể hiện trên mô hình là hệ số hồi quy đã được chuẩn hóa nhằm phản ánh mức độ tác động của từng chỉ tiêu và từng nhân tố đến kết quả đánh giá. Ở mô hình đại diện cho đánh giá của người dân bản địa (Hình 3a), *Sản phẩm du lịch* (0,53) có tác động lớn nhất đến đánh giá tổng thể, theo sau bởi *Giá trị văn hóa* (0,4), và *Tính kết nối* (0,28). Ba nhân tố này giải thích 74 % giá trị cảnh quan tổng thể. Tuy nhiên, đối với mô hình cấu trúc đại diện cho đánh giá của khách du lịch (Hình 3b), *Giá trị văn hóa* (0,46) có tác động lớn nhất đến giá trị cảnh quan, theo sau bởi *Cảnh quan tự nhiên* (0,42) và *Sản phẩm du lịch* (0,41). Ba nhân tố này chiếm 84 % đánh giá giá trị cảnh quan tổng thể. Như vậy, đánh giá của người dân bản địa phản ánh những ưu điểm về phát triển sản phẩm và cơ sở hạ tầng trong thúc đẩy du lịch, thể hiện kỳ vọng về tiềm năng phát triển tương lai. Trong khi đó, khách tham quan có xu hướng nhìn nhận những giá trị riêng biệt và cốt lõi về văn hóa và tự nhiên là yếu tố tiên quyết tạo nên sức hấp dẫn của Mộc Châu. Điều này giải thích sự khác biệt giữa nguồn cung và nhu cầu thực tế về thị trường sản phẩm du lịch, làm giảm hiệu quả đầu tư phát triển tại Mộc Châu.



Hình 3. Mô hình cấu trúc SEM hồi quy đánh giá giá trị cảnh quan bởi người dân địa phương (a) và khách du lịch (b)

Nghiên cứu nhận diện, đánh giá giá trị cảnh quan và các yếu tố ảnh hưởng trong phát triển du lịch dựa trên cách tiếp cận CB-SEM. Phương pháp cho phép lựa chọn các giá trị cảnh quan cốt lõi và yếu tố tác động đến từng giá trị trong quá trình đánh giá, trên cơ sở đó, mô hình hóa giá trị tổng hợp đối với từng nhóm đối tượng nghiên cứu khác nhau. Cách tiếp cận nhấn mạnh sự phù hợp giữa giả thuyết nghiên cứu và dữ liệu thực tế thông qua các chỉ số đánh giá sự tin cậy, độ hội tụ của mô hình, và đo lường sai số của mô hình.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Đánh giá giá trị cảnh quan dựa trên phân tích đa chỉ tiêu là cách tiếp cận phổ biến và được ứng dụng rộng rãi trên toàn thế giới (Garcia-Martin và nnk., 2017). Nghiên cứu tiến hành nhận diện và đánh giá giá trị cảnh quan dựa trên kết quả khảo sát thực địa của người dân bản địa và khách du lịch về tiềm năng phát triển du lịch tại Mộc Châu. Thông qua kết quả EFA và CFA, các giá trị cảnh quan cốt lõi được nhận diện, trên cơ sở đó, tiến hành mô hình hóa giá trị tổng hợp đối với từng nhóm đối tượng bằng mô hình cấu trúc CB-SEM. Nghiên cứu chỉ ra sự khác biệt trong xác định giá trị cảnh quan giữa hai nhóm đối tượng. *Người dân địa phương* có xu hướng đánh giá yếu tố *sản phẩm* dịch vụ thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động du lịch, theo sau là *giá trị văn hóa* bản địa và *tính kết nối* cao. Mặt khác, *khách du lịch* nhận định *giá trị văn hóa* và *cảnh quan tự nhiên* là những yếu tố nội tại thúc đẩy du lịch, theo sau bởi *sản phẩm*, dịch vụ phục vụ phát triển. Điều này phản ánh sự sai khác giữa yếu tố cung và cầu của thị trường sản phẩm du lịch tại Mộc Châu. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất sự lồng ghép của các yếu tố văn hóa bản địa, bảo tồn cảnh quan tự nhiên và gia tăng chất lượng các sản phẩm du lịch mang tính địa phương trong phát triển du lịch sinh thái tại khu vực nghiên cứu. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu tập trung xem xét đánh giá giá trị cảnh quan của khách du lịch nội địa mà chưa nhìn nhận thị trường phát triển tiềm năng đối với khách quốc tế. Do đó, những nghiên cứu trong tương lai nên được tiến hành đối với cả hai nhóm đối tượng khách tham quan nhằm phản ánh toàn diện nhu cầu của thị trường du lịch Mộc Châu.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Ngân sách Nhà nước trong đề tài cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo, mã số CT.2019.06.06 (Thuộc Chương trình cấp Bộ, mã số CT.2019.06).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Brown, G. (2004). Mapping Spatial Attributes in Survey Research for Natural Resource Management: Methods and Applications. *Society & Natural Resources*, 18(1), 17-39, doi:10.1080/08941920590881853.
- [2]. Brown, G. (2006). Mapping landscape values and development preferences: a method for tourism and residential development planning. *International Journal of Tourism Research*, 8(2), 101-113, doi:10.1002/jtr.562.

- [3]. Butler, A. (2016). Dynamics of integrating landscape values in landscape character assessment: the hidden dominance of the objective outsider. *Landscape Research*, 41(2), 239 - 252, doi:10.1080/01426397.2015.1135315.
- [4]. Cerveny, L. K., Biedenweg, K., & McLain, R. (2017). Mapping Meaningful Places on Washington's Olympic Peninsula: Toward a Deeper Understanding of Landscape Values. *Environmental Management*, 60(4), 643-664, doi:10.1007/s00267-017-0900-x.
- [5]. Chen, V. Y. C., Lien, H.-P., Liu, C.-H., Liou, J. J. H., Tzeng, G.-H., & Yang, L.-S. (2011). Fuzzy MCDM approach for selecting the best environment-watershed plan. *Applied Soft Computing*, 11(1), 265-275, doi:10.1016/j.asoc.2009.11.017.
- [6]. Garcia-Martin, M., Fagerholm, N., Bieling, C., Gounaridis, D., Kizos, T., Printsman, A., et al. (2017). Participatory mapping of landscape values in a Pan-European perspective. *Landscape Ecology*, 32(11), 2133-2150, doi:10.1007/s10980-017-0531-x.
- [7]. Gómez-Sal, A., Belmontes, J.-A., & Nicolau, J.-M. (2003). Assessing landscape values: a proposal for a multidimensional conceptual model. *Ecological Modelling*, 168(3), 319-341, doi:10.1016/s0304-3800(03)00144-3.
- [8]. Huang, I. B., Keisler, J., & Linkov, I. (2011). Multi-criteria decision analysis in environmental sciences: Ten years of applications and trends. *Science of The Total Environment*, 409(19), 3578-3594, doi:10.1016/j.scitotenv.2011.06.022.
- [9]. Peng, J., Yan, S., Strijker, D., Wu, Q., Chen, W., & Ma, Z. (2020). The influence of place identity on perceptions of landscape change: Exploring evidence from rural land consolidation projects in Eastern China. *Land Use Policy*, 99, doi:10.1016/j.landusepol.2020.104891.
- [10]. Plieninger, T., Rana, H. Á. a., Fagerholm, N., Ellingsgaard, G. F., Magnussen, E., Raymond, C. M., et al. (2018). Identifying and assessing the potential for conflict between landscape values and development preferences on the Faroe Islands. *Global Environmental Change*, 52, 162-180, doi:10.1016/j.gloenvcha.2018.07.006.
- [11]. Raymond, C., & Brown, G. (2006). A Method for assessing protected area allocations using a typology of landscape values. *Journal of Environmental Planning and Management*, 49(6), 797-812, doi:10.1080/09640560600945331.
- [12]. Sharafatmandrad, M., & Khosravi Mashizi, A. (2020). Visual value of rangeland landscapes: A study based on structural equation modeling. *Ecological Engineering*, 146, doi:10.1016/j.ecoleng.2020.105742.

LANDSCAPE VALUES AND INFLUENCING FACTORS IN THE ECO-TOURISM DEVELOPMENT OF MOC CHAU DISTRICT: A COVARIANCE-BASED STRUCTURAL EQUATION MODELING APPROACH

Phạm Anh Tuấn¹, Đặng Thị Hương Giang²,
Đinh Thị Hồng Vân³, Phạm Khánh Linh³, Lò Thị Thúy Vy³

¹The Department of Social Sciences – Tay Bac University

²The Faculty of Geography, The University of Natural Sciences, The National University

³The Faculty of Economics, Tay Bac University

Email: phamtuan@utb.edu.vn

Abstract: Landscape values operate the interaction of geographical factors and social perceptions of landscapes. Therefore, landscape value and landscape value assessment contribute to the process of territory planning and development. This study aims at assessing landscape values for potential eco-tourism development of Moc Chau (Son La province) through the multi-criteria analysis. Multi-dimensional values have been investigated through a stakeholder survey to reflect the assessments from 200 tourism providers and 200 travelers. The CB-SEM approach is employed to

identify principal values and influencing elements for potential tourism development, which then allows modeling aggregation landscape values between the two groups. The differences among landscape values derived from the assessments of two groups show conflicts in tourism supply and demand in the Moc Chau market. Therefore, the tourism development strategies are suggested with traditional cultural enhancement, nature conservation and preservation, and improvement of tourism quality.

Keywords: *landscape values, stakeholder survey, structural equation modeling, eco-tourism development.*